

**BẢN TIN DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC THỜI HẠN NGẮN  
(Từ ngày 8 đến 14/7/2026)**

**1.1. Lưu vực sông Hồng**

<p><i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i></p>
<p>+ Tổng lượng mưa: Phổ biến 30-70mm, có nơi trên 100mm như Than Uyên (Lai Châu) 199.3mm, Mù Cang Chải (Lào Cai) 174mm.</p>
<p>- Tổng lượng dòng chảy:</p> <p>+ Trên sông Thao: Trong 7 ngày qua, trên sông Thao đã xảy ra 01 trận lũ tập trung từ ngày 30/6-2/7 với biên độ lũ lên từ 2-4m. Mực nước đỉnh lũ tại trạm Yên Bái đạt 28,48m (11h/01/07), tại trạm Phú Thọ là 13,85m (21h/01/07) đều ở dưới mức BĐ1. Tổng lượng dòng chảy tại trạm Yên Bái tăng so với tuần trước và cao hơn TBNN cùng kỳ 24%.</p> <p>+ Trên sông Lô: Lưu lượng dòng chảy tại trạm Tuyên Quang cao hơn so với tuần trước, tổng lượng dòng chảy cao hơn TBNN 173%.</p> <p>+ Trên sông Đà: Dòng chảy đến hồ Hòa Bình dao động theo điều tiết của thủy điện Sơn La, tổng lượng dòng chảy cao hơn TBNN 28%.</p> <p>+ Trên sông Hồng: Trong 7 ngày qua, do ảnh hưởng của mưa lớn trên khu vực thượng lưu và ảnh hưởng điều tiết của thủy điện tuyến trên (thủy điện Tuyên Quang mở 1 cửa xả đáy lúc 16h/01/07) và vẫn đang duy trì mở 01 cửa, trên sông Hồng tại trạm Hà Nội đã xuất hiện 01 đợt lũ nhỏ với biên độ nước lên là 1,6m và mực nước cao nhất là 4,44m (5h/03/07). Tổng lượng dòng chảy hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội trong tuần qua cao hơn TBNN cùng kỳ 38%.</p>
<p><i>b. Dự báo, cảnh báo</i></p>
<p>+ Tổng lượng mưa: Phổ biến 40-90mm, có nơi trên 100mm.</p>
<p>- Tổng lượng dòng chảy:</p> <p>+ Trên sông Thao: Dòng chảy trên sông biến đổi chậm. Tổng lượng dòng chảy tại trạm Yên Bái dự báo thấp hơn TBNN cùng kỳ 23%.</p> <p>+ Trên sông Lô: Lưu lượng dòng chảy tại trạm Tuyên Quang khả năng thấp hơn tuần trước, tổng lượng dòng chảy cao hơn TBNN 88%.</p> <p>+ Trên sông Đà: Dòng chảy đến hồ Hòa Bình ít biến đổi so với 7 ngày trước; tổng lượng dòng chảy thấp hơn so với TBNN khoảng 4%.</p> <p>+ Trên sông Hồng: Dòng chảy hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội sẽ biến đổi chậm và chịu ảnh hưởng điều tiết từ các thủy điện tuyến trên (hồ Tuyên Quang vẫn duy trì 01 cửa xả đáy) và chịu ảnh hưởng của thủy triều. Tổng lượng dòng</p>

chảy hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội dự báo ở mức xấp xỉ so với TBNN cùng thời kỳ.

## 1.2. Lưu vực sông Thái Bình

### a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua

- Tổng lượng mưa: Phổ biến 25-70mm, có nơi trên 90mm như Bắc Cạn 94.8mm, Mẫu Sơn (Lạng Sơn) 173.5mm.

- Tổng lượng dòng chảy:

+ Trên sông Cầu, lưu lượng dòng chảy có dao động lữ; tổng lượng dòng chảy tại trạm Gia Bảy xấp xỉ so với tuần trước và cao hơn TBNN cùng kỳ 67%.

+ Trên sông Lục Nam: Dòng chảy tại trạm Chũ có dao động lữ; tổng lượng dòng chảy tại trạm Chũ thấp hơn TBNN cùng kỳ 80%.

### b. Dự báo, cảnh báo

- Tổng lượng mưa: Phổ biến 30-60mm, có nơi trên 70mm.

- Tổng lượng dòng chảy:

+ Trên sông Cầu, dòng chảy tại trạm Gia Bảy biến đổi chậm 2-3 ngày đầu và có khả năng lên lại trong những ngày cuối; tổng lượng dòng chảy tại trạm Gia Bảy cao hơn so với TBNN cùng kỳ 48%.

+ Trên sông Lục Nam, dòng chảy sẽ xuất hiện dao động lữ; tổng lượng dòng chảy tại trạm Chũ khả năng lớn hơn so với kì trước và thấp hơn TBNN cùng kỳ 52%.

## 1.3. Các lưu vực sông thuộc khu vực Bắc Trung Bộ

### a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua

- Tổng lượng mưa: Phổ biến 20-55mm, cục bộ có nơi trên 80mm như Tây Hiếu (Nghệ An) 106.8mm, Khe Sanh (Quảng Trị) 144.1mm.

- Tổng lượng dòng chảy:

+ Trên các sông từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh: Lưu lượng dòng chảy trên các sông trong khu vực tăng hơn so với tuần trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Mã tại trạm Cẩm Thủy thấp hơn TBNN cùng kỳ khoảng 42%, sông Cả tại trạm Yên Thượng thấp hơn 37%, sông Ngàn Sâu tại trạm Hòa Duyệt thấp hơn khoảng 28%, sông Ngàn Phố tại trạm Sơn Diệm thấp hơn khoảng 85%.

+ Trên các sông từ Quảng Trị đến TP Huế: Trong tuần, lưu lượng dòng chảy trên các sông ít biến đổi. Tổng lượng dòng chảy trên sông Tả Trạch tại trạm Thượng Nhật cao hơn TBNN cùng kỳ 283%.

### b. Dự báo, cảnh báo

- Tổng lượng mưa: Phía Bắc phổ biến 35-70mm, cục bộ có nơi trên 80mm; phía Nam 10-30mm, cục bộ có nơi trên 50mm.

- Tổng lượng dòng chảy:

+ Trên các sông từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh: Trong những ngày tới, lưu lượng dòng chảy trên các sông ở Thanh Hóa, Nghệ An tăng hơn so với tuần trước, các

sông ở Hà Tĩnh ít biến đổi. Tổng lượng dòng chảy trên sông Mã tại trạm Cẩm Thủy thấp hơn TBNN cùng kỳ 38%, sông Cả tại trạm Yên Thượng thấp hơn 29%, sông Ngàn Sâu tại trạm Hòa Duyệt thấp hơn 19%, sông Ngàn Phố tại trạm Sơn Diệm thấp hơn khoảng 85%.

+ Trên các sông từ Quảng Trị đến TP Huế: Lưu lượng dòng chảy trên các sông ít biến đổi. Tổng lượng dòng chảy trên sông Tả Trạch tại trạm Thượng Nhật cao hơn TBNN 154%.

#### **1.4. Các lưu vực sông thuộc khu vực Nam Trung Bộ**

##### *a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua*

- Tổng lượng mưa: Phổ biến 5-15mm, cục bộ có nơi trên 30mm như Hoài Nhơn (Gia Lai) 34.7mm.

- Tổng lượng dòng chảy:

+ Trên các sông từ Đà Nẵng đến Quảng Ngãi: Trong tuần, lưu lượng dòng chảy trên các sông có dao động. Tổng lượng dòng chảy trên sông Thu Bồn (TP Đà Nẵng) tại trạm Nông Sơn xấp xỉ TBNN cùng kỳ, sông Trà Khúc (Quảng Ngãi) tại trạm Sơn Giang cao hơn 53%.

+ Trên các sông từ Gia Lai đến Lâm Đồng: Trong tuần, mực nước trên các sông biến đổi chậm. Tổng lượng dòng chảy trên sông An Lão (Gia Lai) tại trạm An Hòa cao hơn TBNN 34%, sông Ba (Đắk Lắk) tại trạm Củng Sơn thấp hơn 80%, sông Cái Nha Trang (Khánh Hòa) tại trạm Đồng Trăng ở mức TBNN, sông Lũy (Lâm Đồng) tại trạm Sông Lũy thấp hơn 55%, sông La Ngà (Lâm Đồng) tại trạm Tào Pao thấp hơn 82%.

##### *b. Dự báo, cảnh báo*

- Tổng lượng mưa: Phổ biến 5-20mm, có nơi trên 40mm.

- Tổng lượng dòng chảy:

+ Trên các sông từ Đà Nẵng đến Quảng Ngãi: Dòng chảy trên các sông biến đổi theo xu thế giảm dần. Tổng lượng dòng chảy trên sông Thu Bồn tại trạm Nông Sơn xấp xỉ TBNN cùng kỳ, sông Trà Khúc tại trạm Sơn Giang cao hơn khoảng 16%.

+ Trên các sông từ Gia Lai đến Lâm Đồng: Trong tuần tới, mực nước trên các sông biến đổi chậm. Tổng lượng dòng chảy trên sông Ba tại trạm Củng Sơn thấp hơn TBNN 71%, sông Cái Nha Trang tại trạm Đồng Trăng thấp hơn 9%.

#### **1.5. Lưu vực sông Mê Công**

##### *a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua*

- Tổng lượng mưa: Phía Bắc phổ biến từ 40-100mm, có nơi trên 120mm như: Đắk Tô (KonTum) 166.6mm, EaHleo (Đắk Lắk) 148.4mm, Biên Hòa (Đồng Nai) 121.9mm.

- Tổng lượng dòng chảy:

+ Trên lưu vực sông Sê San và Srêpôk: Trong tuần, lưu lượng dòng chảy đến

sông Đăkbla tăng và cao hơn so với tuần trước, sông Krông Ana biến đổi theo xu thế giảm dần và ở mức thấp hơn. Tổng lượng dòng chảy trên sông Đăkbla tại trạm Kon Tum thấp hơn TBNN cùng kỳ 78%, trên sông Krông Ana tại trạm Giang Sơn thấp hơn 58%.

+ Tổng lượng dòng chảy Sông Cửu Long: Tổng lượng dòng chảy về đầu nguồn sông Cửu Long biến đổi chậm.

*b. Dự báo, cảnh báo*

- Tổng lượng mưa: Phổ biến 40-80mm, có nơi trên 100mm.

- Tổng lượng dòng chảy:

+ Trên lưu vực sông Sê San và Srêpôk: Trong tuần tới, lưu lượng dòng chảy đến sông Đăkbla và sông Krông Ana ở mức tương đương và cao hơn so với tuần qua; Tổng lượng dòng chảy trên sông Đăkbla tại trạm Kon Tum thấp hơn TBNN cùng kỳ 73%, trên sông Krông Ana tại trạm Giang Sơn thấp hơn 42%.

+ Tổng lượng dòng chảy Sông Cửu Long: Tổng lượng dòng chảy về đầu nguồn sông Cửu Long biến đổi chậm, trên sông Tiền tại trạm Tân Châu có khả năng thấp hơn TBNN 8%, trên sông Hậu tại trạm Châu Đốc thấp hơn 30%.

**Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 15h00 ngày 15/07/2026.**

**Tin phát lúc: 15h00**

**Người chịu trách nhiệm  
ban hành bản tin**



**Phùng Tiên Dũng**

**Phụ lục**

**Phụ lục 1. Bảng trị số tổng lượng nước thực đo và dự báo các trạm**

*Bảng 1.1: Tổng lượng mưa dự báo từ ngày 08 đến ngày 14/07/2026*

*Đơn vị: mm*

Khu vực	Trạm	Thực đo 7 ngày	So sánh TBNN (%)	Dự báo								So sánh TBNN (%)
				Ngày 1	Ngày 2	Ngày 3	Ngày 4	Ngày 5	Ngày 6	Ngày 7	Tổng	
Lưu vực sông Hồng	Tam Đường	41	<70	25	27.4	4.4	11.9	3.4	2.7	29.4	104.2	<19
	Sơn La	55.6	>1	30.9	39.3	22.6	12.6	1.2	5.5	15.6	127.7	>138
	Hòa Bình	60.1	<5	10.6	13.1	12.3	2.6	0.3	3.8	9.6	52.3	<4
	Lào Cai	38.4	<34	9.5	9.9	8.3	2.2	0.3	2.6	7.6	40.4	<45
	Yên Bái	70.2	>35	13	31.1	14.8	0.4	1.4	10	17.5	88.2	>35
	Tuyên Quang	68.1	>36	22.9	15.9	9.8	3.3	1	7.9	11.9	72.7	>3
	Hà Giang	15.5	<89	6.6	3.2	4.4	3.8	0.9	4.3	7.4	30.6	<74
	Láng	70.5	>36	8.7	7.9	16.8	4.1	0.3	7	9.3	54.1	<15
	Thái Bình	33.4	<9	6.6	15.9	12.1	7.2	2.6	4.6	25	74	>55
	Nam Định	71.2	>133	8.3	28.3	4.6	4.1	2.8	6.5	13.9	68.5	>27
Lưu vực sông Thái Bình	Bắc Cạn	94.8	>55	18.6	22.6	11.8	3.9	0.6	8.1	14.4	80	>28
	Thái Nguyên	5.2	<94	9.4	25.4	16	3.4	0.3	5.4	22.8	82.7	<17
	Bắc Ninh	48.7	<20	7.2	7.2	11.9	5.8	0.3	5.8	7.2	45.4	<0
	Lạng Sơn	61.2	>41	7.8	9.8	3.4	2.9	0.3	3	4.7	31.9	<37
	Bắc Giang	28.8	<44	14.6	12.5	13.8	5.4	0.5	8.2	9.9	64.9	>21
	Hải Dương	24.4	<41	10.4	16.2	12.4	7.5	1.1	8	17.4	73	>62
Lưu vực sông thuộc khu vực Bắc Trung Bộ	Hồi Xuân	28.5	<60	20.9	13	7.5	7.2	3.3	10.5	10.7	73.1	>29
	Bái Thượng	32.8	<26	16.6	20.7	13.9	12.2	2.8	5.7	28.4	100.3	>96
	Thanh Hóa	30.6	<35	19.4	12.1	7.7	19.8	2.7	7.2	19.2	88.1	>131
	Quỳ Châu	88.8	>103	9.4	8	28.9	13.4	7.9	13.1	1.8	82.5	>117
	Cửa Rào	19.9	<41	6.8	12.1	17.1	13.1	1.7	2	7.4	60.2	>53
	Đô Lương	14.8	<36	6.7	0.1	8	6.2	1.7	20.4	7	50.1	>85

Khu vực	Trạm	Thực đo 7 ngày	So sánh TBNN (%)	Dự báo								So sánh TBNN (%)
				Ngày 1	Ngày 2	Ngày 3	Ngày 4	Ngày 5	Ngày 6	Ngày 7	Tổng	
	Vinh	27.9	>152	8.6	0.1	14.7	6.6	3.4	7.3	0.5	41.2	>99
	Hương Sơn	39.8	>63	3.5	0.4	17.2	9.6	1.6	2.7	0.3	35.3	>105
	Hương Khê	23.7	<9	6.7	1	10.8	11.4	4.6	8.4	2.9	45.8	>38
	Hà Tĩnh	55	>288	8.9	3.1	25.6	15.7	6.1	11.2	10.3	80.9	>352
	Đông Hới	30.6	>114	0.5	0.5	2.2	43.4	1.4	1.1	1.9	51	>530
	Quảng Trị	29.6	>111	2	0.1	0.2	4	5.2	0.6	0.5	12.6	>5
	Nam Đông	6.3	<83	0.5	0.1	1.3	1.9	1.1	6	3.8	14.7	<53
	Huế	17.9	>15	1.1	1.9	0.1	1.1	2.5	7	3.4	17.1	>47
Lưu vực thuộc khu vực Nam Trung Bộ	Đà Nẵng	17.3	<4	1.3	1.7	0.8	2.4	3.7	6.3	2.8	19	>25
	Trà My	16	<46	2.6	1	0	0	2.9	6.3	2	14.8	<68
	Ba Tơ	9	<65	0.5	0.8	1.2	1	0	1	1.1	5.6	<85
	Quảng Ngãi	5	<70	29.9	7.3	1	1.7	2.5	5.4	3.9	51.7	>111
	Quy Nhơn	1	<91	0.1	0	0	0.5	0.4	0.8	0.4	2.2	<79
	An Khê	3.4	<89	1.2	0.2	0.3	1.2	0.8	2.1	0.5	6.3	<76
	Tuy Hòa	9.8	>18	0.1	1.5	0.1	0.4	1.5	3.7	1.3	8.6	<6
	Nha Trang	3.9	<42	0	0.7	0.9	0.2	0.5	5.9	0.3	8.5	<37
Lưu vực sông Mê Công	Kon Tum	127.3	>101	11.5	1.9	6	7	11.7	32.9	3.8	74.8	>32
	Lắk	31.3	<46	1.4	6.6	13	14.5	7.9	21	8.3	72.7	>17
	Buôn Mê Thuột	53	<9	1.5	2.7	16.7	10.2	3.5	15	4.8	54.4	<4
	Biên Hòa	121.9	>84	12.9	5.2	7.4	4.7	22.5	9.3	9.3	71.3	>23
	Cần Thơ	9	<85	16.7	4	0.8	7.8	19.4	14.8	6.6	70.1	>49

Bảng 1.2: Tổng lượng nước dự báo từ ngày 08 đến ngày 14/07/2026

Đơn vị: triệu m<sup>3</sup>

Sông	Trạm	Thực đo từ ngày 01/7 đến 07/7	So sánh TBNN (%)	Dự báo								So sánh TBNN (%)
				08/07	09/07	10/07	11/07	12/07	13/07	14/07	Tổng	
Thao	Yên Bái	581	>24	49	52	70	52	62	59.0	45	389	<12
Lô	Tuyên Quang	1118	>173	138	134	138	130	1122	90.7	86.4	829	>88
Đà	Hồ Hòa Bình	2130	>28	289	285	281	277	268	242	225	1866	<4
Hồng	Hà Nội	2491	>38	302	307	307	312	317	322.0	327	2191	>4
Cầu	Gia Bảy	100	>67	25.3	22.78	18.06	13.82	11.84	8.6	4.84	105	>48
Lục Nam	Chũ	8.55	<80	2.83	2.8	3.11	0	3.89	2.4	0.86	19	<52
Mã	Cắm Thủy	146	<42	25.9	25.5	24.7	24.2	23.2	24.7	24.2	173	<38
Cả	Yên Thượng	125	<37	22.1	21.6	21	20.6	20.2	21.0	20.6	147	<29
La	Hòa Duyệt	16.9	<28	2.36	2.31	2.25	2.20	2.16	2.30	2.20	15.7	<19
Tả Trạch	Thượng Nhật	13.3	>283	2.0	1.9	1.7	0.9	0.7	0.6	0.5	8.3	>154
Thu Bồn	Nông Sơn	48.4	~TBNN	7.5	7.3	6.9	6.6	6.1	5.8	5.4	45.6	~ TBNN
Trà Khúc	Sơn Giang	59.8	>53	8.5	8.1	7.1	6.3	5.6	5.2	4.9	45.7	>16
Ba	Củng Sơn	14.3	<80	2.33	2.25	2.07	1.99	1.9	2.2	1.99	14.7	<71
Cái N,T	Đồng Trăng	17.8	~TBNN	2.68	2.59	2.42	2.33	2.16	2.1	2.16	16.4	<9
ĐăkBlá	KonTum	8.26	<78	1	1.56	1.62	1.51	1.57	1.5	1.33	10.6	<73
Srêpôk	Giang Sơn	12.8	<58	2.08	2.28	2.45	2.6	2.46	2.4	2.29	16.5	<42
Tiền	Tân Châu			676	765	843	959	1020	1080	1175	6516	<8
Hậu	Châu Đốc			87	103	115	130	140	155.0	174	904	<30